

BẢNG ĐIỂM MÔN HỌC LÝ THUYẾT

MÔN HỌC: Tiếng Anh 2

SỐ TC: 2

LỚP: 21T4-ĐCN1

ĐỢT: HK1 (2023 - 2024)

TT	Mã HSSV	Họ và tên HSSV		Điểm kiểm tra							Điểm TBKT	Điểm thi KTMH	Điểm MH (lần 1)	Điểm MH (lần 2)
				Thường xuyên (hệ số 1)				Định kỳ (hệ số 2)						
1	21002873	Phạm Quốc Duy	Anh	8.50	9.00			9.00			8.90	3.00	5.40	
2	21004397	Huỳnh Cao	Bằng	9.00	10.00			10.00			9.80	2.80	5.60	
3	21002229	Phạm Gia	Bảo	9.00	9.00			10.00			9.50	5.20	6.90	
4	21003332	Trần Đức Gia	Bảo	9.00	10.00			10.00			9.80	5.60	7.30	
5	21003347	Trần Quốc	Bảo	9.00	9.00			10.00			9.50	4.00	6.20	
6	21000488	Diệp Kiện	Chiêu	9.00	9.00			9.00			9.00	3.40	5.60	
7	21001987	Đình Công	Chính	9.00	9.00			9.00			9.00	7.00	7.80	
8	21002592	Lại Tiến	Dũng	8.00	9.00			8.00			8.30	5.80	6.80	
9	21004045	Nguyễn Văn	Hiệp	9.00	9.00			9.00			9.00	3.80	5.90	
10	21002498	Nguyễn Văn Hòa	Hiệp	9.00	9.00			9.00			9.00	6.40	7.40	
11	21000297	Lê Minh	Hoàng	9.00	8.00			9.00			8.80	3.80	5.80	
12	21000333	Nguyễn Đoàn Hoàng	Huy	9.00	9.00			9.00			9.00	3.20	5.50	
13	21003230	Võ Hoàng	Khang	8.50	9.00			9.00			8.90	2.60	5.10	
14	21002290	Hồ Lê Thanh	Kiên	8.00	8.00			8.00			8.00	3.00	5.00	
15	21000390	Chí Chương	Minh	9.00	10.00			9.50			9.50	2.60	5.40	
16	21002992	Trần Ngọc	Minh	8.00	9.00			8.50			8.50	5.40	6.60	
17	21003588	Nguyễn Thành	Nam	9.00	8.50			9.00			8.90	5.00	6.60	
18	21002062	Nguyễn Trọng	Nghĩa	9.00	9.00			9.00			9.00	4.60	6.40	
19	21002788	Dương Minh	Nhật	7.00	9.00			7.00			7.50	3.80	5.30	
20	21002988	Ngô Minh	Nhật	9.00	9.00			9.00			9.00	8.80	8.90	
21	21003271	Nguyễn Văn	Phong	9.00	9.00			9.00			9.00	4.00	6.00	
22	21003162	Nguyễn Hoàng	Phúc	9.00	8.50			9.00			8.90	3.80	5.80	
23	21000639	Nguyễn Văn	Phụng	9.00	9.00			9.00			9.00	6.40	7.40	
24	21003381	Châu Thanh	Phước	9.00	9.00			10.00			9.50	7.00	8.00	
25	21002792	Đình Phước	Sang	9.00	9.00			9.00			9.00	4.20	6.10	
26	21003787	Nguyễn Phương	Tây	8.00	9.00			8.00			8.30	3.00	5.10	
27	21003771	Nguyễn Tiến	Toàn	9.00	8.50			9.00			8.90	8.20	8.50	
28	21000326	Nguyễn Lê Minh	Trí	9.00	9.50			10.00			9.60	5.80	7.30	
29	19003146	Nguyễn Minh	Trung	5.00	5.00			5.00			5.00	0.00	2.00	
30	21002182	Võ Duy	Tú	8.00	9.00			8.00			8.30	5.60	6.70	
31	21003740	Đoàn Duy	Tuấn	8.50	9.00			9.00			8.90	4.40	6.20	
32	21002865	Phạm Nguyễn Minh	Tuấn	9.00	9.00			9.00			9.00	5.60	7.00	
33	21001882	Nguyễn Tuấn	Việt	9.00	9.00			9.00			9.00	4.00	6.00	
34	21000383	Nguyễn Hoàng	Vũ	9.00	9.00			9.00			9.00	5.60	7.00	

Tổng số SV	34	
Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giỏi	2	5.88
Khá	8	23.53
Trung bình	17	50
Trung bình yếu	6	17.65
Kém	1	2.94
Khá	0	0

TT	Mã HSSV	Họ và tên HSSV	Điểm kiểm tra		Điểm TBKT	Điểm thi KTMH	Điểm MH (lần 1)	Điểm MH (lần 2)
			Thường xuyên (hệ số 1)	Định kỳ (hệ số 2)				

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

TP. Hồ Chí Minh , ngày 16 tháng 01 năm 2024
GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY

Nguyễn Thị Bảo Trân